

Bản án số: 34/2023/DS - ST
Ngày: 19-10 -2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Sắc
2. Bà Phạm Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXX-DS ngày 25 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐXX-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Đình T, sinh năm: 1961 (có mặt)

Cùng trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Phạm Hồng Th, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Bà Đình Thị T Q, sinh năm: 1980 (Có mặt)

Cùng trú tại: Ấp T, xã A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/4/2023 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Đình T trình bày:

Trước đây ông Phạm Hồng Th, bà Đình Thị T Q có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Đức T (Đỗ Đình T) mua nợ vật tư phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với hình thức mua nợ tới cuối vụ thu hoạch vụ lúa xong sẽ thanh toán tiền và có

thỏa thuận lãi theo lãi suất Ngân hàng, thời gian đầu ông Th, bà T Q thanh toán đúng theo thỏa thuận, thời gian sau thì ông Th, bà T Q xin trả dần đến 20/12/2022 hai bên đối chiếu công nợ thì ông Th, bà T Q còn nợ ông Đỗ Đình T số tiền là 564.560.000đ (*Năm trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) ông Th, bà T Q cam kết sẽ trả dần vào mỗi vụ lúa, nhưng từ ngày làm cam kết đến nay ông Th, bà T Q vẫn không thanh toán số tiền trên cho ông T.

Tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Phạm Hồng Th, bà Đình Thị T Q trả cho ông số tiền 564.560.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Đình Thị T Q trình bày :

Trước đây vợ chồng ông bà có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Đức T (Đỗ Đình T) mua nợ vật tư phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với hình thức mua nợ tới cuối vụ thu hoạch vụ lúa xong sẽ thanh toán. Thời gian đầu vợ chồng ông bà trả nợ đúng theo thỏa thuận sau này do vụ mùa thất bát và chăn nuôi bị lỗ nên vợ chồng ông bà không trả cho ông T đúng theo thỏa thuận. Đến ngày 20/12/2022 hai bên đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông bà còn thiếu cửa hàng Đức T (Đỗ Đình T) số tiền 564.560.000đ *Năm trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bà T Q thừa nhận còn nợ ông Đỗ Đình T số tiền trên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin trả dần mỗi vụ lúa 20.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, hợp lệ giấy triệu tập ông Phạm Hồng Th tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông Th không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đỗ Đình T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Hồng Th, bà Đình Thị T Q trả số tiền 564.560.000đ (*Năm trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 20/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ông Đỗ Đình T khởi kiện ông Phạm Hồng Th, bà Đình Thị T Q, bà T Q, ông Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp T, xã A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phạm Văn Th đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng và triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Hồng Th.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đình T HĐXX xét thấy: Trước đây vợ chồng ông Phạm Hồng Th, bà Đinh Thị T Q có đến đại lý của ông Đỗ Đình T (Đức T) mua nợ phân bón thuốc trừ sâu để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hình thức mua nợ trả dần theo thời vụ và có thỏa thuận lãi, theo lãi suất Ngân hàng. Thời gian đầu ông Th, bà T Q thanh toán nợ đúng theo thỏa thuận, sau này do làm ăn thất bại nên ông Th, bà T Q chỉ trả được một ít và tiếp tục mua nợ thêm để phục vụ sản xuất. Do ông Th, bà T Q là khách hàng quen biết và mua hàng với số lượng lớn nên ông T nghĩ tình và tiếp tục bán thêm vật tư nông nghiệp phân bón cho ông Th, bà T Q. Nhưng đến thời gian thu hoạch lúa xong ông Th, bà T Q không chịu thanh toán, ông T có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Th, bà T Q cho rằng do làm ăn thất bát nên không có khả năng trả nợ cho ông T. Đến ngày 20/12/2022 bà T Q, ông Th có làm 01 giấy tay ký xác nhận công nợ vợ chồng ông còn nợ ông T số tiền 564.560.000đ (*Năm trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) có chữ ký xác nhận của ông Phạm Hồng Th. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà T Q thừa nhận còn nợ ông T số tiền 564.560.000đ (*Năm trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của ông T Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy xác nhận công nợ ngày 20/12/2022 có chữ ký của ông Phạm Hồng Th mặc dù hai bên có ký xác nhận công nợ nhưng trong giấy xác nhận nợ không thỏa thuận lãi suất do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền để xác định lãi suất như sau:

Từ ngày xác nhận công nợ ngày 20/12/2022 đến ngày 19/10/2023 là 09 tháng 29 ngày.

Gốc 564.560.000đ x 0,8%/ tháng x 09 tháng 29 ngày = 45.014.250đ

Gốc 564.560.000đ + số tiền lãi 45.014.250đ = 609.574.250đ

[6] Xét yêu cầu xin được trả dần và yêu cầu không tính lãi của bà T Q cho rằng hiện nay gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế bà xin trả dần cho ông T mỗi vụ lúa là 20.000.000đ cho đến khi hết nợ và yêu cầu ông T không tính lãi, việc bà T Q xin trả dần và yêu cầu không tính lãi không được ông T chấp nhận. Hơn nữa trước đây ông T cũng tạo điều kiện cho bà T Q, ông Th trả dần nhưng bà T Q, ông Th không thực hiện. Việc bà T Q, ông Th không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận xin trả dần và không yêu cầu tính lãi của bà T Q.

[7] Đối với bị đơn ông Phạm Hồng Th sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Th không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa

án, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có ý kiến trình bày. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Đình T (Đức T) buộc ông Phạm Hồng Th, bà Đinh Thị T Q trả cho ông Đỗ Đình T tổng số tiền là 609.574.250đ (*Sáu trăm lẻ chín triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi đồng*). Trong đó số tiền gốc là 564.560.000đ (*Năm trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*), tiền lãi là 45.014.250đ (*Bốn mươi lăm triệu, không trăm mười bốn nghìn, hai trăm năm mươi đồng*).

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là 609.574.250đ (*Sáu trăm lẻ chín triệu năm trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm năm mươi đồng*).

Án phí tính như sau: $609.574.250đ \{ (20.000.000,® + [209.574.250® \times 4\%] = 28.382.970đ$ (*Hai mươi tám triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi đồng*).

- Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho ông Đỗ Đình T số tiền tạm ứng án phí 13.291.000đ (*Mười ba triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0002481 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Phạm Hồng Th, bà Đinh Thị T Q phải nộp số tiền án phí 28.382.970đ (*Hai mươi tám triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi đồng*).

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Căn cứ các Điều 351, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đình T (Đức T).

2. Buộc ông ông Phạm Hồng Th, bà Đinh Thị T Q trả cho ông Đỗ Đình T (Đức T). Tổng số tiền là 609.574.250đ (*Sáu trăm lẻ chín triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi đồng*). Trong đó số tiền gốc là 564.560.000đ (*Năm trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*), tiền lãi là 45.014.250đ (*Bốn mươi lăm triệu, không trăm mười bốn nghìn, hai trăm năm mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho ông Đỗ Đình T số tiền tạm ứng án phí 13.291.000đ (*Mười ba triệu, hai trăm chín mươi một nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0002481 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Phạm Hồng Th, bà Đinh Thị T Q phải nộp số tiền án phí 28.382.970đ (*Hai mươi tám triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Ông Đỗ Đình T, bà Đinh Thị T Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Hồng Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ